TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2023/QĐST- DS	*Như Thanh, ngày 24 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 18/2023/TLST - DS ngày 31 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị T - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu Phố H - Thị trấn B - huyện N - tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:** Bà Triệu Thị N - Sinh năm 1967.

Địa chỉ : Thôn Đ - xã H - huyện N - Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Bà Đỗ Thị T và chị Triệu Thị N thống nhất: Tính đến ngày 20/12/2015, bà N có vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 99,99% hiệu Kim Liên. Hai bên thỏa thuận 04 chỉ vàng có giá trị 22.000.000 đồng; tổng cộng khoản nợ là 42.000.000 đồng. Khi vay, hai bên có thống nhất tính lãi nhưng không thỏa thuận lãi suất cụ thể. Đây là khoản nợ riêng của bà N.

- Quá trình trả nợ: Đến năm 2018, bà N trả cho bà T được 3.000.000 đồng tiền lãi nhưng hai bên không ghi vào giấy vay tiền. Từ đó đến nay, bà N không trả thêm cho bà T được đồng nào.

- Về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện: Bà Đỗ Thị T và bà Triệu Thị N thống nhất áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản. Theo đó, thời hiệu

khởi kiện hợp đồng vay tài sản đã hết. Bà T yêu cầu trả lại tài sản nên chỉ giải quyết quan hệ pháp luật về đòi lại tài sản (bà N đã vay của bà T).

- Về nghĩa vụ trả lại tài sản, Bà Đỗ Thị T và bà Triệu Thị N thống nhất: Bà N có trách nhiệm trả lại cho bà T tổng số tiền **42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng)**.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Bà Đỗ Thị T và bà Triệu Thị N thống nhất: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị T và bàTriệu Thị Nam thống nhất: Bà Nam chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật 1.050.000 (một triệu, không trăn năm mươi nghìn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy